

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày: 06/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thơm

Bà Lục Thanh Hà

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Bền - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 119/2017/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh tháng 12 năm 1966 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 20/79 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 03/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có chồng: Lê Văn K (đã chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân:

- Ngày 26/10/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã được xóa án tích.

- Ngày 21/5/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 (ba) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/8/2016 đến 18/8/2016, tạm giam từ ngày 18/8/2016 đến nay, có mặt.

2. Ngô Đăng H, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1978 tại huyện V1, tỉnh Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã H, huyện V1, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đăng B và bà Hoàng Thị C; có vợ: Chu Thị N1 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 01/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/8/2016 đến 18/8/2016, tạm giam từ ngày 18/8/2016 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Văn G, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1974 tại thành phố B1, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 6, phường T1, thành phố B1, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị Bích N1 (đã chết); có vợ: Nguyễn Thanh T2 và 01 con; tiền sự: Không có; tiền án: Ngày 23/3/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố B1 tuyên phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính nhưng chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung.

Nhân thân: Ngày 20/3/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/8/2016 đến 18/8/2016, tạm giam từ ngày 18/8/2016 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Lê Viết Đ, luật sư văn phòng Luật sư T3 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn - bào chữa cho bị cáo Ngô Đăng H, có mặt.

2. Ông Nguyễn Tài H1, luật sư văn phòng Luật sư N2 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn - bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G, có mặt.

3. Bà Hoàng Thị Kim K, luật sư văn phòng Luật sư K1 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn - bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút tại tuyến đường Quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn Q, xã C1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn, qua kiểm tra xe ô tô taxi biển kiểm soát: 30T-8305 do Liễu Hình S, trú tại: Thôn C2, xã P, huyện C3, tỉnh Lạng Sơn điều khiển phát hiện trên xe có 04 (bốn) hành khách. Kiểm tra tại vị trí sàn xe dưới

chân ghế ngồi của Ngô Đăng H, sinh năm 1978, trú tại: Thôn X, xã H, huyện V1, tỉnh Bắc Giang có 01 túi xách dạng túi vải màu đen, bên trong có 03 vỏ lon trà bí đao giấu 05 túi nilon bên trong chứa chất dạng tinh thể màu trắng của các đối tượng Nguyễn Thị L sinh năm 1966 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang, trú: tại: Số 20/79 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Ngô Đăng H sinh năm 1978, trú tại: Thôn X, xã H, huyện V1, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Văn G, vận chuyển về thành phố B, tỉnh Bắc Giang bán kiếm lời thì bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt giữ.

Cùng ngày, khám xét khẩn cấp nhà ở của Nguyễn Thị L ở số nhà 20, ngõ 79, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, thu được: 01 (một) túi nilon màu trắng bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng dạng đá tại phòng ngủ trong nhà của Nguyễn Thị L.

- Tại bản Kết luận giám định số: 263/K1 - PC54 ngày 12/8/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: *"Chất tinh thể màu trắng có 05 (năm) túi nilon gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng 498,8 gam (đã trừ bì0; trong đó: Túi 01 = 101,1gam; túi 02 = 99,8 gam; túi 03 = 96,8gam; túi 04 = 101,4gam; túi 05 = 99,7gam"*.

- Tại bản Kết luận giám định số: 264/K1-PC54 ngày 15/8/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: *"Chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng 38,475gam (đã trừ bì)"*.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn G, Ngô Đăng H khai nhận:

Cuối năm 2015, Nguyễn Thị L đi sang Trung Quốc đánh bạc nên quen biết Ngô Đăng H và Nguyễn Thị Thu H3 (H và H3 chung sống như vợ chồng). Thông qua việc quen biết H giới thiệu L với Ngô Đăng H4, sinh năm 1961, trú tại: Thôn X, xã H, huyện V1, tỉnh Bắc Giang để tìm mối mua, bán ma túy cho L đem về thành phố B bán kiếm lời, sau đó H cho L số điện thoại để liên lạc.

Đến tháng 4/2016, L đi đánh bạc tại Bắc Ninh thì quen biết với Nguyễn Văn G, qua tiếp xúc hai người nảy sinh tình cảm. Biết G hay bán ma túy lẻ cho các quán nhỏ ở thành phố B1 nên L đã bàn bạc với G sẽ lên Lạng Sơn mua 500 gam ma túy đá đem về tỉnh Bắc Giang bán kiếm lời. Đồng thời L điện thoại hỏi H để đặt mua ma túy đá. Do H không có điện thoại nên L đã liên lạc với H thông qua số máy điện thoại của Nguyễn Thị Thu H3 (nhưng L không nói việc mua ma túy cho H3 biết) thì được H hẹn sẽ đưa L đến gặp H4 để đi mua ma túy. Sau đó H lên Lạng Sơn trước.

Ngày 06/8/2016 L gặp H ở khu vực đèn M, Đ1 ở Lạng Sơn và hẹn ngày 07/8/2016 sẽ cùng H đi mua ma túy. Tuy nhiên do bận việc nên L không đi cùng H như đã hẹn được.

Khoảng 10 giờ ngày 08/8/2016, Nguyễn Thị L đưa 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và 01 cân tiểu ly để mua ma túy cho Nguyễn Văn G cầm giữ và điện thoại rủ Nguyễn Thị Thu H3 đi lên thị trấn Đ1, huyện C3, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó G ở tại khu vực Đền M, thị trấn Đ1 chờ, còn L và H3 đi lên khu vực C4, xã T5, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn rồi theo đường mòn sang Trung Quốc đánh bạc. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, H gọi điện thoại bảo L và H3 về Việt Nam gặp H tại quán nước ở khu vực C4. Sau đó H, L, H3 đi taxi quay về Đền M, đón G rồi bốn người cùng lên cửa khẩu T1. Khi đến cửa khẩu T1, H gọi điện thoại cho Ngô Đăng H4 ra đón. Sau đó H4 đưa cả H, L, H3, G đến gặp một người tên L1, sau đó L1 và L đã thỏa thuận L cần mua 500 gam ma túy đã với giá 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng). Do H4 bảo L phải trả tiền trước mới có tiền đi mua ma túy nên L đã bảo G lấy trong ví ra tạm thời đưa 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) cho H để H đưa cho H4, sau đó H4 đã đưa lại cho một người thanh niên lạ mặt (không rõ danh tính) đi mua ma túy. Còn H4, L, G, H và đối tượng tên L1 chờ ở nhà, còn H3 hộ gia đình nấu cơm ăn. Đến 20 giờ cùng ngày, người thanh niên đi mua ma túy về nhà và gọi L, G, H xem và thử ma túy. Do L chưa trả đủ tiền nên H4 bảo L đưa thêm 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để đủ mua 500 gam ma túy đã. Sau khi cân, thử ma túy xong, L và G nói với H4 và H: "Khi nào về đến Bắc Giang sẽ trả tiền cho H là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Sau đó L1 chia ma túy ra thành 05 túi nilon nhỏ, mỗi túi đựng 100 gam ma túy và giấu vào trong vỏ lon nước trà bí đao. Do sợ bị phát hiện trên đường đi qua trạm Kiểm soát Biên phòng cửa khẩu T1, V1 nên L, H, G thống nhất để H4 đem ma túy ra ngoài Trạm Kiểm soát Biên phòng, sau đó sẽ giao ma túy cho L, H, G sau. Sau đó L1 cùng một người thanh niên không rõ họ tên dùng xe máy chở L, H, G, H3 đi ra khu vực chợ T1, V1 đón xe taxi về thành phố B. Trên đường về đến Đền M, thị trấn Đ1, huyện C3 thì H nhận được điện thoại của H4 bảo H lên T1 nhận ma túy. Sau đó H bảo L, H3 xuống xe chờ, còn H và G quay lại cửa khẩu T1 nhận ma túy với H4. Sau khi nhận được ma túy với H4 thì H cất giấu túi ma túy vào sàn xe taxi, cạnh hai chân chỗ ngồi của H. Sau đó H và G bảo lái xe taxi quay về đón L và H3 rồi cả bốn người đi về hướng thành phố B. Khi đi đến địa phận thôn Q, xã C1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ tang vật là ma túy.

Ngoài ra Nguyễn Thị L còn khai nhận: Ngày 04/8/2016, Ngô Đăng H đưa Ngô Đăng H4 đến nhà ở của L ở số 20, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, bán 100 gam ma túy đã giá 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng) cho L. Sau khi mua được ma túy, L chia ra thành nhiều gói nhỏ bán cho các đối tượng nghiện ở thành phố B kiếm lời. Số ma túy còn lại là 38,475 gam chất ma túy Methamphetamine, của L giấu trong nhà chưa kịp bán, khi tiến hành khám xét nhà của L cơ quan công an đã thu giữ được số ma túy trên.

Tại bản cáo trạng số 01/VKS-P1 ngày 18/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên phần tội danh đối với các bị cáo như Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án, vị công tố đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 20 (hai mươi) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000đ.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Ngô Đăng H 19 (mười chín) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ngô Đăng H

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 20 (hai mươi) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn G số tiền 5.000.000đ.

3. Về xử lý vật chứng: Vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và các vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước; vật chứng và những giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo thì cần trả lại cho các bị cáo.

4. Kiến nghị: Các cơ quan chức năng cần tăng cường phổ biến chính sách pháp luật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L phát biểu quan điểm: Sau khi bị bắt bị cáo Nguyễn Thị L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra chồng bị cáo đã chết, con của bị cáo chưa ổn định cuộc sống, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do hám lợi nhất thời nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức mà Kiểm sát viên đề nghị, đồng thời miễn phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo L. Về phần xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử trả lại bị cáo L số tiền 10.000.000đ và 01 (một) chiếc điện thoại di động của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đăng H phát biểu quan điểm: Bị cáo xuất thân từ gia đình nông dân lao động, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án bị cáo chỉ có vai trò đồng phạm giúp sức, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, bị cáo có bác ruột là liệt sĩ, hiện tại bị cáo đã ly hôn vợ, các con không có người chăm sóc nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G phát biểu quan điểm: Đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 như đề nghị của Kiểm sát viên, vì bị cáo chỉ thuộc trường hợp tái phạm. Ngoài ra trong vụ án bị cáo G chỉ có vai trò giúp sức thứ yếu, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố để được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án 18 (mười tám) năm tù là đủ sức răn đe đối với bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều có ý kiến cho rằng đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và Kết luận giám định vật chứng thu được. Ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở xác định:

[2] Do có nhu cầu mua 500 gam ma túy đá đem về Bắc Giang bán kiếm lời nên Nguyễn Thị L đã liên lạc với Ngô Đăng H để tìm nguồn ma túy. Sau đó Nguyễn Thị L cùng với Nguyễn Văn G lên Lạng Sơn để gặp Ngô Đăng H, khi đi Nguyễn Thị L đã chuyển bị tiền 100.000.000đ và 01 cân tiểu ly đưa cho Nguyễn Văn G cầm để mua ma túy. Khi lên tới Lạng Sơn, Ngô Đăng H đã đưa Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn G tới gặp Ngô Đăng H4 và được H4 đưa đến gặp một đối tượng tên L1. Giữa L và L1, H4 đã thực hiện trao đổi mua bán ma túy. Số tiền L đưa cho G đã được sử dụng mua ma túy hết. Khi đang trên đường vận chuyển ma túy từ Lạng Sơn về Bắc Giang tiêu thụ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn G, Ngô Đăng H đã bị lực lượng chức năng phát hiện và thu giữ vật chứng là **498,8 gam ma túy Methamphetamine**. Ngoài số ma túy trên, cơ quan điều tra còn thu giữ được tại nhà của Nguyễn Thị L **38,475gam ma túy Methamphetamine**, mục đích để L bán lại cho các đối tượng nghiện khác. Vì vậy đối với bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng trọng lượng (38,475gam + 498,8 gam) = **531,275 gam chất ma túy Methamphetamine**.

[3] Từ những phân tích trên, có đầy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma

túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đối với mỗi bị cáo. Hội đồng xét xử đánh giá vai trò tính chất mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

[6] Bị cáo Nguyễn Thị L là người khởi xướng, trực tiếp bàn bạc, thỏa thuận mua bán ma túy với Ngô Đăng H4 và đối tượng tên L1. Các bị cáo Ngô Đăng H và Nguyễn Văn G tham gia với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Nguyễn Thị L, cụ thể bị cáo Ngô Đăng H là người môi giới, tìm nguồn ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị L; bị cáo Nguyễn Văn G được bàn bạc với bị cáo Nguyễn Thị L đi lên Lạng Sơn mua ma túy về Bắc Giang tiêu thụ, đi theo bị cáo Nguyễn Thị L, cầm tiền và trả tiền mua ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị L.

[7] Đối với bị cáo Nguyễn Thị L còn khai nhận 38,475gam ma túy Methamphetamine bị cơ quan điều tra thu giữ tại nhà của bị cáo mục đích để bán. Do đó bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng trọng lượng $(38,475\text{gam} + 498,8\text{ gam}) = 531,275\text{ gam}$ chất ma túy Methamphetamine.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G đều có nhân thân không tốt. Cụ thể bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H đều đã từng phạm tội; bị cáo Nguyễn Văn G có 01 tiền án.

[9] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Ngô Đăng H không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Nguyễn Thị L có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, bị cáo Nguyễn Văn G có tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Ngoài ra Nguyễn Thị L còn khai ra hành vi phạm tội trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự thú, bị cáo Nguyễn Văn G có bố đẻ là ông Nguyễn Văn A được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

[11] Xét các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G có nhân thân không tốt, đều đã từng phạm tội nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện, tiếp tục thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy với số lượng

lớn. Ngoài ra các bị cáo đều không có đủ điều kiện về tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm a tiểu mục 3.3 mục 3 Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao, nên xét thấy cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[12] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh xét thấy bị cáo Ngô Đăng H không đủ điều kiện để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn G do có tài sản cá nhân đảm bảo thi hành án nên cần thiết phải phạt bổ sung các bị cáo L, G một khoản tiền mới đủ sức răn đe đối với các bị cáo.

[13] Về vật chứng vụ án: Số lượng ma túy còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy. 05 (năm) lon nước ngọt; 02 (hai) ví giả da cũ màu nâu; 01 (một) ví nhựa màu đỏ; 01 (một) túi xách có quai đeo màu đen, viền vàng; 01 (một) túi xách vải đen có in chữ OWEN không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. 01 (một) cân tiểu ly điện tử cũ và các điện thoại di động, các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước. Chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mô tô thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn G do không liên quan đến vụ án, nên cần trả lại cho bị cáo G. Đối với số tiền 10.000.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L và số tiền 9.201.000đ (chín triệu hai trăm linh một nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn G do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[14] Trong vụ án trên còn có một số đối tượng khác, tuy nhiên đối tượng đã bỏ trốn, hiện tại đang bị truy nã; xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập đến những đối tượng đó trong bản án này.

[15] Từ những phân tích trên thấy rằng cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần hình phạt chính đối với các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn G và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ngô Đăng H do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Về hình phạt chính đối với bị cáo Ngô Đăng H, Hội đồng xét xử sẽ xem xét xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, ngoài ra Hội đồng xét xử cũng sẽ xem xét phần hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn G, phần xử lý vật chứng của vụ án. Về đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[16] Các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[17] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p, o khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/8/2016.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 10.000.000đ.

2. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Ngô Đăng H 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/8/2016.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ngô Đăng H

3. Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/8/2016.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn G số tiền 10.000.000đ.

II. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Tịch thu để tiêu hủy:

- 01 (một) túi giấy màu vàng được niêm phong dán kín, có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Công an xã C1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H5, trợ lý giám định Bùi Anh T4 và hình dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong chứa 487,4 gam Methamphetamine.

- 01 (một) phong bì mặt trước có in chữ "CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN PHÒNG CẢNH SÁT HÌNH SỰ" (cũ) được niêm phong dán kín. Có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an phường T, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H5, trợ lý giám định Bùi Anh T4 và hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong chứa 37,173 gam Methamphetamine.

- 05 (năm) lon nước ngọt màu xanh hiệu WONDERFARM trong đó: 03 (ba) vỏ lon đã bị cắt, 02 (hai) lon còn nguyên vẹn.

- 02 (hai) ví giả da cũ màu nâu - vàng.

- 01 (một) ví nhựa màu đỏ bên trong có 30 (ba mươi) túi bóng trong suốt.

- 01 (một) túi xách có quai đeo màu đen viền vàng.
- 01 (một) túi xách dạng chất liệu vải màu đen có in chữ OWEN.

2. Tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ - đen, model X1-01, số IMEI: 352830/05/629568/0, số seri sim 1: 8984048601053978433, số seri sim 2: 8984048504084496311, máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) cân tiểu ly điện tử cũ màu đen, loại CHQ POCKET SCALE, có số hiệu PS200A.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu trắng, mặt trước mặt sau màu vàng, có số IMEI: 869125012011534, máy cũ đã qua sử dụng, có số seri sim 1: 8984048841000454408, số seri sim 2: 8984040654004624008.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, model RM - 1110, số IMEI 1: 358583/06/661240/2.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh đen, máy cũ đã qua sử dụng, có số IMEI: 352439/05/630328/6.

3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn G:

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 125848484 mang tên Nguyễn Văn G.

- 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số 010160300643 mang tên Nguyễn Văn G.

- Số tiền 9.201.000đ (Chín triệu hai trăm linh một nghìn đồng) được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết "Tiền tạm giữ trong quá trình bắt khẩn cấp Nguyễn Văn G". Mặt sau có chữ ký cùng tên của Nguyễn Văn G, Hoàng Văn K, Vi Quang T6, Liễu Hình S, Trần Văn T7 và 04 (bốn) dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, có chữ ký cùng tên giám định viên Thượng tá Hoàng Văn D và 03 (ba) dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn tại phần giáp lai mới. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L:

- Số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết "Tiền thu giữ trong quá trình khám xét Nguyễn Thị L". Mặt sau có chữ ký cùng tên của Nguyễn Thị L, Lương Xuân T8, Lê Văn T9, Hoàng Hiệp D1, Nguyễn Đức T10, Nguyễn Công N4 và 03 (ba) dấu tròn của Công an phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có chữ ký cùng tên của giám định viên Thượng tá Hoàng Văn D và 03 (ba) dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn tại phần giáp lai mới. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng được ghi tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/12/2017 giữa Cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

III. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị L, Ngô Đăng H, Nguyễn Văn G, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/02/2018)/.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ; tòa hình sự; HCTP;
- KTNV & THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tuệ